

**TÒA ÁN NHÃ DÃ
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2024/DS-ST

Ngày 17 tháng 6 năm 2024

V/v tranh chấp chia di sản thừa
kế quyền sử dụng đất, buộc
chấm dứt hành vi cản trở quyền
sử dụng đất.

**NHÃ DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÃ DÃ HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phong Phi

Các Hội thẩm nhÃ dÃ:

Ông Đặng Tấn Phước

Bà Dương Thị Thuý Duy

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Bình - Thư ký Tòa án nhÃ dÃ huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhÃ dÃ huyện An Phú tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 và 17 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhÃ dÃ huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dÃ sự thụ lý số: 473/2020/TLST-DS, ngày 02 tháng 12 năm 2020, về việc “*Tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất, buộc chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 540/2023/QĐXXST-DS, ngày 21 tháng 11 năm 2023, quyết định hoãn phiên tòa số 617/2023/QĐST-DS ngày 22/12/2023, quyết định tạm ngừng phiên tòa số 48/2024/QĐST-DS ngày 16/01/2024 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Hà Thị M, sinh năm 1953; nơi cư trú: Tổ 39, ấp Vĩnh Nghĩa, xã Vĩnh Trường, huyện An Phú, tỉnh An Giang. (vắng mặt khi tuyên án)

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hà Thị M là ông Nguyễn Huy Hoàng, sinh năm 1998, cư trú tại 141, Nguyễn Thị Nhung, khu đô thị Vạn Phúc, phường Hiệp Bình Phước, tp Thủ Đức, Tp Hồ Chí Minh. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Hà Thị M là Luật sư Nguyễn Thành Trung, Công ty Luật TNHH MTV Nam Sơn, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt khi tuyên án)

- Bị đơn: Ông Hà Văn Ân, sinh năm 1969; nơi cư trú: Tổ 40, ấp Vĩnh Nghĩa, xã Vĩnh Trường, huyện An Phú, tỉnh An Giang. (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án:

Ông Trần Thanh Phương, sinh năm 1983; Ông Trần Thanh Hùng, sinh năm 1984; Ông Trần Thanh Tùng, sinh năm 1987; Cùng nơi cư trú: Ấp Vĩnh Phước, xã Vĩnh Lộc, huyện An Phú, tỉnh An Giang. (hàng thừa kế bà Hà Thị Khê) (vắng mặt)

Ông Huỳnh Văn Hội, sinh năm 1975; nơi cư trú: Tổ 46, ấp Vĩnh Nghĩa, xã Vĩnh Trường, huyện An Phú, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

Ông Huỳnh Văn Thám, sinh năm 1970; nơi cư trú: Tổ 40, ấp Vĩnh Nghĩa, xã Vĩnh Trường, huyện An Phú, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

Bà Huỳnh Thị Tho, sinh năm 1980; nơi cư trú: Tổ 36, ấp Vĩnh Nghĩa, xã Vĩnh Trường, huyện An Phú, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

Ông Tống Minh Hùng, sinh năm 1987; nơi cư trú: Tổ 36, ấp Vĩnh Nghĩa, xã Vĩnh Trường, huyện An Phú, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

Ông Huỳnh Thái Giám, sinh năm 1967; nơi cư trú: Tổ 39, ấp Vĩnh Nghĩa, xã Vĩnh Trường, huyện An Phú, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

Ông Phạm Văn Hợp, sinh năm 1977; Bà Lê Thị Huệ, sinh năm 1975, cùng nơi cư trú: Ấp Vĩnh Thành, xã Vĩnh Trường, huyện An Phú, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn; trình bày của các bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn trình bày:

Ông Hà Văn Căn, sinh năm 1955 (Trụ chi chùa Phước Trường, hoà thượng Thích Thiện Phước) (chết ngày 02/11/2016) là em ruột của bà M. Ông Căn không có vợ con, đồng thời cha mẹ ông Căn là ông Hà Văn Súa và bà Võ Thị Khải cũng đã chết (không nhớ năm). Ông Căn có ba chị em ruột gồm: Hà Thị M, ông Hà Văn Căn và bà Hà Thị Khê (chết 19/4/2016). Bà Khê có chồng tên Trần Văn Dện đã chết (không nhớ năm); có 03 con gồm: Trần Văn Phương, sinh năm 1983, Trần Thanh Hùng, sinh năm 1984; Trần Văn Tùng, sinh năm 1987, hiện cư trú ấp Vĩnh Phước, xã Vĩnh Lộc, huyện An Phú, tỉnh An Giang. Ông Căn khi sống có đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00281/QSDD/dL, diện tích 39.821m² (trừ phần đất đã thu hồi diện tích 8.531 m²) còn lại là 31.287 m², thuộc tờ bản đồ 03. Ông Căn chết không để lại di chúc, bà M xác định bà là hàng thừa kế thứ hai duy nhất của ông Căn.

Ông Hà Văn Ân là con của ông Hà Văn Chì (ông Chì là em ruột của ông Hà Văn Súa), ông Ân không nằm trong hàng thừa kế của ông Căn. Tuy nhiên ông Ân chiếm giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ngăn cản không cho bà M sử dụng đất. Bà M có các yêu cầu:

- Công nhận cho bà được hưởng thừa kế phần đất diện tích 39.821m² (trừ phần đất đã thu hồi diện tích 8.531 m²) còn lại là 31.287 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00281 QSDD/dL do Ủy ban nhÃ dÃ huyện An Phú cấp ngày 27/3/1993 mang tên Hà Văn Căn.

- Buộc ông Hà Văn Ấ chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với việc thực hiện quyền sử dụng đất của bà đối với phần đất 31.287 m² tọa lạc ấp Vĩnh Nghĩa, xã Vĩnh Trường, huyện An Phú, tỉnh An Giang. (là di sản của ông Căn để lại).

Ngoài ra bà M còn cung cấp, phần đất của ông Căn hiện do các ông Huỳnh Văn Hội canh tác 10 công, năm 2019 có trả cho bà 10 triệu thì ngưng; ông Huỳnh Văn Thám, canh tác 12,5 công, có trả cho bà năm 2019 thì ngưng; bà Huỳnh Thị Tho canh tác 03 năm có trả được 6 triệu, ông Tống Minh Hùng canh tác 03 công nhưng không có trả tiền; Huỳnh Thái Giám canh tác 1,5 công, Huỳnh Văn Ly canh tác khoảng 2,5 công, hiện đã trả đất. Đất này có người thuê nhưng ông Ấ ngăn cản không cho thuê. Những người này canh tác trên đất của ông Căn là theo hợp đồng cho thuê, bà là người cho họ thuê. Giá thuê là 2.000.000 đồng/công/năm. Trước đây thì những người thuê có trả tiền cho bà nhưng 02 năm nay thì chỉ có bà Tho trả tiền cho bà. Những người này nói khi nào Tòa xử cho bà thì họ mới trả tiền cho bà, hiện họ trả cho ông Ấ.

Tại phiên toà hôm nay bà M, ông Ấ xác định đất hiện nay không ai được thuê mượn và bỏ không vì đang tranh chấp.

Bị đơn ông Hà Văn Ấ trình bày:

Ông xác định phần đất bà M tranh chấp là của tộc họ “Hà” để lại, cụ thể cụ Hà Văn Bầy và cụ Nguyễn Thị Đơn (là ông, bà cố của ông, cũng là ông, bà cố của ông Căn) để lại cho ông Hà Văn Căn đứng tên quản lý sử dụng để thờ cúng ông bà tộc họ. Vào năm 2016, ông Hà Văn Căn chết không để lại di chúc. Khi này tộc họ có họp tại biên bản họp ngày 19 tháng 11 năm 2016 và Tờ trình ngày 19/12/2016 có xác nhận Ủy ban nhÃ dÃ xã Vĩnh Trường, xác thực việc ông được trông giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Căn chết để lại. Ông Dương Văn Lò được quản lý phần đất của ông Căn đang cho thuê để lấy tiền thờ cúng hàng năm (7 lễ giỗ và 3 ngày rằm lớn) và bảo quản chùa Phước Trường.

Ông xác định hàng thừa kế của ông Căn do bà M cung cấp là sự thật. Ông yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ từ những người trong tộc họ để xác thực việc ông quản lý đất này là hợp pháp. Đối với yêu cầu khởi kiện bà M thì ông không đồng ý. Đất tranh chấp hiện nay do ông Huỳnh Văn Hội, Huỳnh Văn Ly, Huỳnh Văn Thám, Tống Văn Hùng và Huỳnh Thái Giám canh tác theo hợp đồng thuê. Việc thu tiền thuê là họ tộc giao lại cho ông gìn giữ đất và thu tiền cho thuê để thờ cúng hàng năm.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày trong quá trình tố tụng:

Ông Tống Minh Hùng trình bày: Ông xác định ông hiện có canh tác trên 3 công đất, nhưng ông xác định là đất chung của ông bà. Thời ông Căn còn sống đã giao cho gia đình ông (cha tên Tống Văn Dục – chết) và để cho gia đình ông sử

dụng đời đời, không bán. Do đó, ông canh tác mà không phải trả tiền. Phần đất ông sử dụng hiện nay trồng xoài, chuối và các cây khác. Nếu Tòa án giải quyết cho bà M thì yêu cầu trả lại toàn bộ giá trị cây trồng và công cải tạo đất mà gia đình ông đã làm trong mấy chục năm qua.

Ông Huỳnh Văn Thám trình bày: Ông Thám có thuê phần đất của ông Căn từ thời ông Căn còn sống. Sau này, ông có làm hợp đồng thuê đất với ông Lồ và ông Á mỗi năm 15 triệu/10 công trả tiền theo năm, nay tranh chấp ông không còn canh tác nữa.

Ông Huỳnh Thái Giám trình bày: Trước đây ông có mượn 01 công, nhưng sau khi tranh chấp thì không còn thuê nữa.

Qua hòa giải: Bà Hà Thị M và ông Hà Văn Á thống nhất phần đất tranh chấp có nguồn gốc là của ông Hà Văn Bảy và bà Nguyễn Thị Đơn; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Hà Văn Căn đứng tên quyền sử dụng đất số 00281 QSDĐ/dL do Ủy ban nhÂ dÂ huyện An Phú cấp ngày 27/3/1993. Không tranh chấp về các cây trồng trên đất.

Bà M và ông Á thống nhất để cho những người đang thuê đất được tiếp tục quản lý, sử dụng đất đến khi Tòa án giải quyết xong.

Nội dung không thống nhất: Bà Hà Thị M yêu cầu chia thừa kế là quyền sử dụng đất do ông Hà Văn Căn đứng tên quyền sử dụng đất số 00281 QSDĐ/dL do Ủy ban nhÂ dÂ huyện An Phú cấp ngày 27/3/1993. Bà M yêu cầu những người thuê đất phải trả tiền thuê cho bà. Bà thừa nhận nội dung tờ hợp tộc họ ngày 19/11/2016, giao chùa cho ông Lồ quản lý lúc em bà là ông Hà Văn Căn mất.

Ông Hà Văn Á cho rằng đất tranh chấp ông đang quản lý là do họ tộc thống nhất để lại cho ông quản lý thờ cúng họ tộc, nên ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà M. Tuy nhiên, theo ý kiến những người trong tộc họ có mặt thì đồng ý chia cho cá nhÂ bà M 09 công, còn lại 30 công để lại đồng sở hữu trong họ tộc (họ tộc bàn để cử người đại diện) sử dụng cho thuê lấy tiền thờ cúng họ tộc (mỗi năm 7 lễ giỗ, 3 lễ rằm lớn) hiện do Hà Văn Á và Dương Văn Lồ thờ cúng.

Quá trình thu thập chứng cứ xác định được: Trên phần đất tranh chấp có ngôi chùa Phước Trường, Chùa Phước Trường đã được xếp hạng di tích cấp tỉnh (Quyết định số 2133/QĐ-UBND ngày 27/10/2006); các ngôi nhà sàn gỗ, mái tol, vách tole của bà con thÂ tộc họ Hà sinh sống; các phần đất nông nghiệp hiện các ông Huỳnh Văn Hội, Huỳnh Văn Ly, Huỳnh Văn Thám, Tống Minh Hùng và Huỳnh Thái Giám canh tác theo hợp đồng cho thuê.

Theo ông Tống Minh Hùng, ông Hùng xác định ông hiện có canh tác trên 3 công, nhưng ông xác định là đất chung của ông bà. Thời ông Căn còn sống đã giao cho gia đình ông sử dụng đời đời, không bán. Do đó ông canh tác mà không phải trả tiền. Phần đất ông sử dụng hiện nay trồng xoài, chuối và các cây khác. Nếu Tòa án giải quyết cho bà M thì yêu cầu trả lại toàn bộ giá trị cây trồng và công cải tạo đất mà gia đình ông đã làm trong mấy chục năm qua.

Các ông, bà Huỳnh Văn Hội, Huỳnh Văn Thám, Huỳnh Thái Giám, Huỳnh Thị Tho (con ông Huỳnh Văn Ly) thừa nhận có thuê đất, không có ý kiến về việc tranh chấp.

Các ông, bà Hà Văn Bông, Hà Văn Âm, Hà Thị Thúy Hằng, Huỳnh Văn Sơn xác định họ ở trên đất của tộc họ Hà, xin được ổn định các ngôi nhà.

Chứng cứ do Tòa án thu thập được:

Công văn số: 877/UBND-NC Về việc phối hợp hoạt động ngày 21 tháng 7 năm 2023, Ủy ban nhân dân huyện An Phú có ý kiến như sau:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00281/QSDD/dL do UBND huyện An Phú cấp ngày 27/08/1993 mang tên Hà Văn Căn với diện tích 39.821m² (khu đất tọa lạc tại xã Vĩnh Trường, huyện An Phú, tỉnh An Giang). Thời hạn sử dụng: 3H0000 sử dụng lâu dài, 0H9821 sử dụng trong 15 năm. Trong đó phần đất diện tích 0H9821 sử dụng trong 15 năm nằm trong tổng diện tích 39.821m² đã cấp cho ông Căn, không đủ cơ sở xác định riêng thửa đất nào đã cấp vượt hạn mức, do đó không xác định vị trí cụ thể tại Bản vẽ hiện trạng ngày 22/09/2021 do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh An Phú lập.

Việc xử lý diện tích vượt hạn mức: Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản số 408/UBND-KTN ngày 17/4/2023 gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường và được Cục Quy hoạch và Phát triển tài nguyên đất phúc đáp tại Công văn số 1360/QHPTTND-PGDCTD ngày 7/7/2023 (đính kèm Công văn số: 408/UBND-KTN, ngày 17/4/2023 của UBND tỉnh An Giang về việc xin ý kiến hướng dẫn xử lý phần diện tích đất nông nghiệp vượt hạn mức và Công văn số 1360/UBND-KTN ngày 7/7/2023 về việc xử lý phần diện tích đất nông nghiệp vượt hạn mức).

Theo Đơn xin trả đất ngày 01/10/2014 của ông Hà Văn Căn với diện tích là 1.100m² thuộc thửa đất số 339 tờ bản đồ 3. Biên bản kiểm tra ngày 23/10/2014 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thì diện tích chùa Phước Trường xây dựng là 1538,25m² và diện tích còn lại là tre, me tây, gáo, nứa, mít, xoài ... thuộc thửa đất số 339 tờ bản đồ 3. Thửa đất số 339 tờ bản đồ 3 có diện tích 8.534m² đã thu hồi đất theo Quyết định số 4546/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND huyện An Phú về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (thu hồi trọn thửa).

Thửa đất số 339 tờ bản đồ 3 thuộc vị trí được ký hiệu tại khu vực do (1), (4), (5), (6), (10) của bản vẽ Bản vẽ hiện trạng ngày 22/09/2021 do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh An Phú lập, vị trí này hiện tại chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. (Đính kèm Sơ đồ chồng ghép).

Do thửa đất số 339 tờ bản đồ số 03 cấp theo hệ thống nông nghiệp cũ vì vậy không đủ cơ sở xác định đường ranh giới thửa đất 339 tờ bản đồ số 03 lên Bản vẽ hiện trạng ngày 22/09/2021 chỉ chồng ghép để xác định vị trí.

Bản vẽ hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 22/9/2021, thể hiện:

1) Các điểm 1, 2, 11, 18 có tên tích 3885,0 m² là phần đất thuộc các thửa: 2347, 2348, 1 phần thửa số: 2346, tờ bản đồ số 2 và 1 phần thửa: 339, tờ bản đồ số 3.

2) Các điểm 2, 3, 4, 7, 8, 11 có diện tích 2950,0 m²: Là phần đất thuộc thửa: 2345, 1 phần thửa số: 2346, tờ bản đồ số 2.

3) Các điểm 20, 21, 24, 25, 29, 30, 38, 34, 40, 41, 42 có diện tích 9756,0 m²: Là phần đất thuộc các thửa: 311, 313, 314, 315, 316, 319, 312 và 1 phần thửa 310 tờ bản đồ số 3.

+ Thửa số 312, tờ bản đồ số 3: Chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

+ Thửa số 310, tờ bản đồ số 3: Thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02349 do UBND huyện An Phú cấp ngày 28/02/2014 cho ông Phạm Văn Hợp và bà Lê Thị Huệ.

4) Các điểm 9, 6, 20, 42, 79, 77, 76, 53 có diện tích 5057,0 m²: Là phần đất thuộc các thửa: 317, 318, 336, 1583 và 1 phần các thửa: 337, 335, 339, tờ bản đồ số 3.

5) Các điểm 9, 10, 12, 54, 74, 76, 53 có diện tích 2476,0 m². Là phần đất thuộc thửa 338 và 1 phần các thửa, 337, 335, 339, là bản đồ số 3.

6) Các điểm 12, 19, 75, 54 có diện tích 2143,0 m². Thuộc 1 phần thửa 339, tờ bản đồ số 3, là khu vực Chùa Phước Trường, nằm ngoài khu vực tranh chấp.

7) Các điểm 41, 42, 79, 80 có diện tích 2364,0 m²: Là phần đất thuộc các thửa 320, 334, 321, 333, tờ bản đồ số 3.

8) Các điểm 80, 87, 36, 35, 34, 40, 41 có diện tích 1652,0 m²: Là phần đất thuộc các thửa: 332, 322, tờ bản đồ số 3.

9) Các điểm 35, 36, 87, 113, 112, 111, 114, 50, 49, 45, 44, 43, 38, 37 có tổng diện tích 8496,0 m²: Là phần đất thuộc các thửa: 331, 332, 324, 329, 325, 337, tờ bản đồ số 3. Trong đó:

+ Các điểm 49, 50, 51, 52 có diện tích 3800 m², là phần đất khu vực mồ mã.

10) Các điểm 75, 74, 76, 77, 79, 80, 87, 113, 112, 111, 110, 109, 108, 101, 78 có diện tích 4751,0 m²: Là phần đất thuộc thửa: 328 và 1 phần thửa 339, tờ bản đồ số 3.

- Các điểm 115, 116, 117, 118 là các góc mỏ đúc có diện tích 4,90 m².

- Các điểm 81, 82, 83, 84, 85, 86 là các góc nhà gỗ có diện tích 32,3 m².

- Các điểm 88, 89, 90, 91 là các góc nhà gỗ có diện tích 32,0 m².

- Các điểm 92, 93, 94, 95 là các góc nhà gỗ có diện tích 47,1 m².

- Các điểm 96, 97, 98, 99, 100, 121 là các góc nhà gỗ có diện tích 35,1 m². Các điểm 102, 103, 104, 105, 106, 107 là các góc nhà gỗ có diện tích 23,9 m².

- Các điểm 14, 15, 16, 17 là các góc nhà xây bê tông có diện tích 127,1 m².

- Các điểm 13, 63, 14, 64, 65, 66, 60, 61 là các góc xây bê tông (ở thời điểm đo đạc) có diện tích 64,6 m²

- Các điểm 64, 65, 66, 59, 58, 57, 56, 55, 67, 68, 70, 71, 72, 73 là các góc nhà xây bê tông (Chùa Phước Trường) có tổng diện tích 533,5 m².

* Ghi chú:

- Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00281/dL đã cấp cho ông Hà Văn Căn có thửa 339. Tuy nhiên, đến ngày 10/11/2014, UBND huyện An Phú đã ra Quyết định số: 4546/QĐ-UB thu hồi lại thửa đất số 339, tờ bản đồ số 3.

- Đo đạc theo sự chỉ dẫn của bên tranh chấp. Tổng diện tích tăng 12243,0 m² so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Lý do tăng diện tích là do sai số bản đồ, phạm qua thửa 310, 312, 339,

+ Thửa số: 312 tờ bản đồ số 3: Chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

+ Thửa số: 310 tờ bản đồ số 3: Đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH02349 do UBND huyện An Phú cấp ngày 28/02/2014 mang tên Phạm Văn Hợp, Lê Thị Huệ, diện tích: 5763,0 m².

+ Thửa số: 339 tờ bản đồ số 3: Đã thu hồi theo Quyết định số: 4546/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND huyện An Phú, do cấp không đúng so với hiện trạng sử dụng đất.

Bản vẽ hiện trạng khu đất ngày 06/9/2022, thể hiện:

- Các điểm 10, 43, 47, 48, 37, 57, 35, 32, 31, 13, 1 là các mốc ranh đất do ông Thích Thiện Quang (đại diện Chùa Phước Trường) chỉ dẫn.

- Các điểm 10, 43, 47, 48, 37, 57, 35, 32, 31, 30, 31, 13, 1 là các điểm đo đạc theo hiện trạng có diện tích 2048,5 m² Trong đó:

+ Các điểm 10, 43, 28, 30, 31, 13, 1 là phần đất có diện tích 1520,5 m² thuộc phần thửa đất số 339, tờ bản đồ số 03.

+ Các điểm 43, 47, 48, 37, 57, 35, 32, 31, 30, 28 là phần đất có diện tích 528,0 m² thuộc phần thửa đất số 339, tờ bản đồ số 03 và phần đất thuộc Bưng Bàu Nâu (do UBND xã quản lý),

- Các điểm 8, 9, 72, 56, 42, 55, 71, 54, 41, 25, 24, 23, 68, 65, 64, 63, 62 có diện tích 601,2 m² là các góc nhà bê tông (Chùa Phước Trường).

- Các điểm 6, 7, 65, 51 có diện tích 43,0 m² là các góc nhà bê tông.

- Các điểm 52, 66, 67, 53 có diện tích 9,5 m² là các góc nhà bê tông.

- Các điểm 4, 5, 50, 69 có diện tích 41,7m² là các góc nhà bê tông.

- Các điểm 3, 15, 16, 17, 18, 19, 26, 28, 29, 30, 14, 13, 2 có diện tích 225,0 m² là các góc nhà sắt.

- Các điểm 27, 40, 58, 70, 34, 33 có diện tích 85,3 m² là các góc nhà bê tông.
- Các điểm 36, 57, 39, 38 có diện tích 16,0 m² là các góc nhà bê tông.
- Các điểm 15, 49, 21, 22, 20, 18, 17, 16 có diện tích 83,3 m² là các góc mộ.
- Thửa đất số 339, tờ bản đồ số 03, diện tích 8.534 m² loại đất Thổ cư. Đã thu hồi theo Quyết định số 4546/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND huyện An Phú thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00281/dL cấp ngày 27/8/1993.
- Tổng diện tích đo đạc theo hiện trạng là 2048,5 m² hiện tại chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai.

Tại phiên tòa,

Quan điểm của Luật sư bảo vệ cho nguyên đơn:

Về pháp luật nội dung, Luật sư Trung đề nghị áp dụng Bộ luật dÂ sự 2005 do thời điểm mở thừa kế là trước ngày Bộ luật dÂ sự 2015 có hiệu lực pháp luật, Bà Hà Thị M là chị ruột của ông Hà Văn Căn, người đứng tên quyền sử dụng đất diện tích 39.821m² (trừ phần đất đã thu hồi diện tích 8.531 m²) còn lại là 31.287 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00281 QSDD/dL do Ủy ban nhÂ dÂ huyện An Phú cấp ngày 27/3/1993 mang tên Hà Văn Căn, về hàng thừa kế thứ nhất theo quy định bộ luật dÂ sự 2005 là không có (cha, mẹ, vợ, con) do đó, bà M là hàng thừa kế thứ hai duy nhất của ông Căn, khi ông Căn mất vào ngày 02/11/2016 đến thời điểm khởi kiện vẫn còn thời hiệu khởi kiện, do đó, bà M là hàng thừa kế duy nhất nên đề nghị Toà án công nhận quyền sử dụng đất còn lại là 31,287 m² của ông Căn cho bà M.

Về yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở bà M sử dụng đất, do đất của em ruột bà M, việc ông A giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Căn là không phù hợp, đề nghị Toà án buộc ông A giao trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và buộc ông A chấm dứt hành vi cản trở bà M sử dụng đất, hoặc cần thiết đề nghị Hội đồng xét xử xem xét huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để bà M được cấp lại quyền sử dụng đất thừa kế hợp pháp của ông Hà Văn Căn.

Bị đơn trình bày: không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Quan điểm của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, tiến hành thu thập chứng cứ đúng quy định của pháp luật. Thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Tiến hành xét xử vắng mặt đúng quy định tại các điều 228 của Bộ luật Tố tụng dÂ sự.

Về nội dung: Căn cứ vào trình bày của đương sự và các chứng cứ có trong hồ sơ có cơ sở xác định: nguồn gốc đất là của tộc họ Hà, trên đất có ngôi chùa Phước Trường là di tích lịch sử cách mạng của xã Vĩnh Trường, huyện An Phú, tại phiên toà hôm nay phía nguyên đơn rút lại yêu cầu khởi kiện đối với phần đất đã bị thu hồi diện tích 8.531 m² chỉ yêu cầu chia thừa kế phần đất còn lại là 31.287 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00281 QSDD/dL do Ủy ban nhÂ dÂ huyện An Phú cấp ngày 27/3/1993 mang tên Hà Văn Căn. Nên đề nghị Toà án đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện, về yêu chia thừa kế thì xác định đây là đất tộc họ, đất dùng

vào việc thờ cúng, nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của bà M, nên đề nghị không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế, về yêu cầu buộc chấm dứt hành vi cản trở do đất tộc họ như đã nói, nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu này, từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, các Luật sư, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về tư cách tham gia tố tụng: Căn cứ Điều 4, Nghị quyết 01/2020/NQ-HĐTP ngày 05/3/2020 về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết tranh chấp về tài sản chung của dòng họ, xác định bà Hà Thị M là nguyên đơn; ông Hà Văn Ân là bị đơn; đồng thời đưa các ông, bà Huỳnh Văn Thám, Tổng Minh Hùng, Huỳnh Thái Giám, Trần Thanh Phương, Trần Thanh Hùng, Trần Thanh Tùng, Nguyễn Văn Hội, Huỳnh Thị Tho, Phạm Văn Hợp, Lê Thị Huệ vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Bà Hà Thị Khê (chết 19/4/2016). Bà Khê có chồng tên Trần Văn Dền đã chết (không nhớ năm); có 03 con gồm: Trần Văn Phương, sinh năm 1983, Trần Thanh Hùng, sinh năm 1984; Trần Văn Tùng, sinh năm 1987, hiện cư trú ấp Vĩnh Phước, xã Vĩnh Lộc, huyện An Phú, những người này đã được đưa vào liên quan trong vụ án nhưng không có yêu cầu gì về việc tranh chấp nên xem như từ bỏ quyền lợi về tố tụng.

Ông Dương Văn Lồ trước khi tranh chấp là người được giao quản lý tiền cho thuê đất của tộc họ, nhưng khi tranh chấp đến nay ông không quản lý nên không còn liên quan trong vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự bà M và ông Ân đều thống nhất đất tranh chấp là của ông bà để lại, từ lúc ông Hà Văn Căn (chủ trì chùa Phước Trường) còn sống thì quản lý dùng tiền này vào mục đích chung là cúng giỗ, cúng chùa và làm từ thiện, hiện tại, đất này đang tranh chấp nên không còn ai thuê mướn mà chỉ bỏ trống.

Quá trình giải quyết vụ án, được biết phần đất Chùa Phước Trường tại thửa tạm số 6, bản vẽ hiện trạng khu đất ngày 22/9/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh An Phú và 05 căn nhà tại thửa tạm số 10 theo Bản vẽ hiện trạng khu đất ngày 22/9/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh An Phú, căn cứ theo sơ đồ chồng ghép của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh An Phú, toàn bộ diện tích Chùa Phước Trường và 05 căn nhà trên thửa tạm số 6 và 10 thuộc thửa đất số 339 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Hà Văn Căn, sinh năm 1955, là phần đất đã bị thu hồi theo Quyết định số 4546/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND huyện An Phú. Do đó, thửa đất số 339 không còn là di sản của ông Hà Văn Căn để lại, nên Tòa án nhân dân huyện An Phú đưa những cá nhân tổ chức có tên như sau ra khỏi tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Gồm:

Ban Di tích lịch sử cách mạng chùa Phước Trường; Đại diện theo pháp luật ông Lê Hoàn Anh – Trưởng Ban Di tích (Theo Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 16/6/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhÃ dÃ xã Vĩnh Trường).

Chùa Phước Trường; địa chỉ: Tổ 34, ấp Vĩnh Nghĩa, xã Vĩnh Trường, huyện An Phú, tỉnh An Giang. Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu Ánh, sinh năm 1961, Pháp danh: Thích Thiện Quang – Trụ trì chùa Phước Trường.

Ông Hà Văn Bồng, sinh năm 1980; Ông Hà Văn Âm, sinh năm 1969; Bà Nguyễn Thị Gái, sinh năm 1970; Bà Hà Thị Thúy Hằng, sinh năm 1995; Ông Đỗ Thanh Hậu, sinh năm 1988; Cháu Đỗ Hà Mai Hoa, sinh năm 2013; Cháu Đỗ Hà Văn Vũ, sinh năm 2019; Ông Huỳnh Văn Sơn, sinh năm 1985; Bà Phạm Thị Diễm Phương, sinh năm 1983; Cháu Huỳnh Văn NhÃ, sinh năm 2022; Cùng địa chỉ cư trú: Tổ 34, ấp Vĩnh Nghĩa, xã Vĩnh Trường, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Vụ án tranh chấp kéo dài qua nhiều năm, Hội đồng nhÃ dÃ huyện và Ủy ban nhÃ dÃ xã Vĩnh Trường cũng có ý kiến đề nghị Tòa án giải quyết vụ án liên quan đến Chùa Phước Trường, tuy nhiên, Chùa Phước Trường không nằm trên đất bà M yêu cầu chia thừa kế, tại phiên toà hôm nay nguyên đơn xác định không yêu cầu chia thừa kế phần đất đã bị thu hồi theo Quyết định số 4546/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND huyện An Phú diện tích 8.531 m²

Quá trình thụ lý như sau: ngày 02/12/2020 Tòa án nhÃ dÃ huyện An Phú thụ lý vụ án số 473/2020/TLST-DS, do Thẩm phán Trần Văn Sáu thụ lý, sau đó Chánh án phÃ công lại Thẩm phán Nguyễn Phong Phi theo Quyết định số 292/2023/QĐ-TA vào ngày 28/8/2023

Về kết quả đo đạc:

Bản vẽ hiện trạng khu đất ngày 22/9/2021;

Bản vẽ hiện trạng khu đất ngày 06/9/2022;

Cả 2 bản vẽ này đều do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh An Phú thực hiện và chồng ghép thửa đất đã bị thu hồi theo Quyết định số 4546/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND huyện An Phú diện tích 8.531 m². Từ các kết quả trên Tòa án áp dụng Bản vẽ hiện trạng khu đất ngày 22/9/2021 để làm căn cứ xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Hà Thị M làm đơn khởi kiện ông Hà Văn A và gửi đến Tòa án nhÃ dÃ huyện An Phú, yêu cầu công nhận cho bà M được hưởng thừa kế phần đất diện tích 39.821m² (trừ phần đất đã thu hồi diện tích 8.531 m²) còn lại là 31.287 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00281 QSDĐ/dL do Ủy ban nhÃ dÃ huyện An Phú cấp ngày 27/3/1993 mang tên Hà Văn Căn. Đồng thời, buộc ông Hà Văn A phải chấm dứt hành vi cản trở bà M thực hiện quyền sử dụng đất đối với phần đất 31.287 m². Do đất tranh chấp tọa lạc tại ấp Vĩnh Nghĩa, xã Vĩnh Trường, huyện An Phú, tỉnh An Giang, nên việc Tòa án nhÃ dÃ huyện An Phú đã thụ lý bằng vụ kiện: “Tranh chấp di sản thừa kế quyền sử dụng đất và buộc chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất”. Căn cứ Điều 203 Luật đất đai năm 2013, khoản 5 Điều 26, Điều Bộ luật tố tụng dÃ sự, Điều 11, 169, Bộ luật dÃ sự 2015; Điều 631, 632, 670 Bộ

luật dÂ sự 2005, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhÂ dÂ huyện An Phú, tỉnh An Giang.

[3] Về thời hiệu: Trong vụ án này, các đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu.

[4] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn bà M khởi kiện yêu cầu công nhận cho bà M được hưởng thừa kế toàn bộ diện tích đất 39.821m² (rút lại yêu cầu phần 8.531 m²), còn lại là 31.287 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00281 QSDD/dL do Ủy ban nhÂ dÂ huyện An Phú cấp ngày 27/3/1993 mang tên Hà Văn Căn. Đồng thời, buộc ông Hà Văn Â phải chấm dứt hành vi cản trở bà M thực hiện quyền sử dụng đất đối với phần đất 31.287 m² tọa lạc ấp Vĩnh Nghĩa, xã Vĩnh Trường, huyện An Phú, tỉnh An Giang. (bà M cho là di sản của ông Căn để lại, bà là thừa kế thứ hai duy nhất).

Bị đơn ông Hà Văn Â xác định phần đất bà M tranh chấp là của tộc họ “Hà” để lại, cụ thể cụ Hà Văn Bảy và cụ Nguyễn Thị Đơn (là ông, bà cố của ông Â, ông Căn) để lại cho ông Hà Văn Căn đứng tên quản lý sử dụng để thờ cúng ông bà tộc họ. Vào năm 2016 ông Hà Văn Căn chết không để lại di chúc. Khi này tộc họ có họp (Biên bản họp ngày 19 tháng 11 năm 2016) và làm Tờ trình ngày 19/12/2016 có xác nhận Ủy ban nhÂ dÂ xã Vĩnh Trường, xác thực việc ông Â được trông giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Căn đứng tên. Đối với yêu cầu khởi kiện bà M thì ông Â không đồng ý vì đất là của chung tộc họ, không phải của cá nhÂ ông Căn.

[5] Tờ Hợp tộc họ lập ngày 19/11/2016, thể hiện một số nội dung: “... Đất tộc họ ...39.821m² qua nhiều đời đến ông Hà Văn Căn chủ quyền giấy chứng nhận đất ruộng, nay ông đã mất ... và theo di nguyện của ông Căn, ngày rằm tháng bảy có họp tộc họ bên nội, bên ngoại là đất này không được chia cho một ai, không được sang nhượng, cầm cố, bán chát mà phải giữ gìn từ đời này sang đời sau để phục vụ 7 Lễ giỗ ông bà hàng năm, những người này đồng ý theo nguyện vọng của ông Hà Văn Căn...

Qua làm thất lần thứ hai của ông Hà Văn Căn, anh em chúng tôi bên nội, bên ngoại đã bàn bạc đi đến thống nhất chung của hai bên là làm theo nguyện vọng của ông CÂ, chọn ông Dương Văn Lô sinh năm 1947 là cháu tộc họ bên ngoại đã được lựa chọn giữ gìn ngôi chùa di tích lịch sử cách mạng, đến khi qua đời thì họ tộc tức gánh họ Hà bên nội phải chọn người kế tiếp giữ gìn thế ông Lô.

Với những quy định của tộc họ hai bên nội ngoại như sau:

.... Giao cho ông Dương Văn Lô được quyền cho mượn đất hàng năm, để phục vụ bảy lễ giỗ và 3 lệ rằm hàng năm; Ông Dương Văn Lô là cháu tộc họ bên ngoại đã được lựa chọn giữ gìn ngôi chùa di tích lịch sử cách mạng, đến khi qua đời thì họ tộc tức gánh họ Hà bên nội phải chọn người kế tiếp giữ gìn thế ông Lô.

Tộc họ thống nhất giao cho Hà Văn Â giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mang tên Hà Văn Căn 39.821 m²... ”.

Cuối Tờ Hợp tộc họ này thể hiện hai bên nội ngoại cùng ký tên, trong đó, có chữ ký và chữ viết tên của bà Hà Thị M. Trong quá trình giải quyết vụ kiện, bà Hà

Thị M xác nhận bà có ký vào tờ hợp tộc họ nhưng chỉ giao giấy để ông A giữ chứ không giao đất.

Tại bản kê khai ruộng đất xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng, ông Hà Văn Căn cũng xác định và ghi rõ nguồn gốc đất là “*đất hương quả để cúng chùa*”.

[6] Theo quy định tại Điều 1, Điều 2 Nghị quyết 01/2020/NQ-HĐTP ngày 05/3/2020 có quy định:

“Điều 2. Xác định thành viên dòng họ

Thành viên dòng họ là cá nhân trong dòng họ được xác định theo tập quán phổ biến, được thừa nhận nơi dòng họ tồn tại. Các bên tranh chấp có trách nhiệm cung cấp họ, tên, địa chỉ của thành viên dòng họ.

Điều 3. Quyền khởi kiện vụ án tranh chấp về tài sản chung của dòng họ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của dòng họ

1. Thành viên dòng họ có quyền khởi kiện vụ án tranh chấp về tài sản chung của dòng họ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của dòng họ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

2. Dòng họ không phải là nguyên đơn. Tập thể (ví dụ: chi họ, nhánh họ, hội đồng gia tộc...) không có quyền khởi kiện vụ án tranh chấp về tài sản chung của dòng họ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của dòng họ.”

[7] Vì vậy, có cơ sở xác định phần đất đang tranh chấp là thuộc “tộc họ Hà” do ông Hà Văn Căn đứng tên kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, nguồn gốc đất ông Căn được đứng tên theo kê khai cấp giấy ghi là “*đất hương quả để cúng chùa*” là đất hương hỏa của tộc họ Hà (không phải hương thừa kế hoặc tặng cho từ cha mẹ để lại), nên không được chia thừa kế, không được sang nhượng, cầm cố mà phải giữ gìn để thờ cúng ông bà là phù hợp theo quy định tại Điều 670 BLDS năm 2005.

Theo tự điển tiếng việt thì “*đất hương hỏa*” có nghĩa là: phần gia tài dành riêng cho việc cúng lễ tổ tiên.

[8] Ông Hà Văn A được tộc họ thống nhất giao cho giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mang tên Hà Văn Căn diện tích 39.821 m² (đã thu hồi diện tích 8.531 m²), trên đất có ngôi chùa “Phước Trường Tự” do tộc họ Hà thành lập, cụ thể là cụ Hà Văn Bầy (đời thứ nhất, người sáng lập chùa Phước Trường), Hà Văn Sao (đời thứ hai, Thích Giác Chơn), Hà Văn Sua (đời thứ ba, Thích Thiện Tánh), Hà Văn Căn (đời thứ tư, Thích Thiện Phước). Hiện nay, đây là Di tích lịch sử cách mạng của xã Vĩnh Trường, huyện An Phú, tỉnh An Giang, nguồn gốc đất có được theo lời khai của ông Dương Văn Lồ (người làm thư ký cho trụ chi ông Hà Văn Căn (Thích Thiện Phước)) là đất của tộc họ và ông cố của ông là Hà Văn Bầy là người sáng lập chùa và tu đầu tiên, đất cũng do nhiều người dān hiến cho chùa. Do đó, có đầy đủ cơ sở xác định đây là đất dòng họ theo quy định tại Điều 207, Điều 208, 211 Bộ luật dân sự 2015.

Bà Hà Thị M cũng thống nhất và ký tên vào Tờ hợp tộc họ lập ngày 19/11/2016, tại phiên toà hôm nay người đại diện theo uỷ quyền của bà M và bà M cũng thừa nhận bà có biết và tham dự việc hợp tộc họ (Toà án không cần thiết phải giám định chữ ký bà M). Do đó, việc nguyên đơn bà Hà Thị M khởi kiện yêu cầu công nhận cho bà được hưởng thừa kế phần đất diện tích 39.821m² (trừ phần đất đã thu hồi diện tích 8.531 m²) còn lại là 31.287 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00281 QSDD/dL do Ủy ban nhÃ dÃ huyện An Phú cấp ngày 27/3/1993 mang tên Hà Văn Căn; Đồng thời, buộc ông Hà Văn Ã phải chấm dứt hành vi cản trở việc thực hiện quyền sử dụng đất của bà M đối với phần đất diện tích 31.287 m² là không có căn cứ.

[9] Tuy nhiên, ông Hà Văn Ã, bà Hà Thị M và các thành viên “tộc họ Hà”, đều là người quản lý đất của tộc họ, đối với việc thu hoa lợi, lợi tức, cũng như tiền cho thuê đất thuộc phạm vi đất của tộc họ phải giao cho tộc họ quản lý, sử dụng đúng vào mục đích như đã thoả thuận là cúng giỗ hàng năm, cúng chùa các chi phí thu được còn dư các thành viên trong tộc họ tự thoả thuận để quản lý sử dụng vào mục đích chung. Nếu các thành viên trong tộc họ đã thống nhất thoả thuận thì có thể thoả thuận phÃ chia theo nhánh họ nội, họ ngoại... để quản lý. Quyền sử dụng đất diện tích 39.821m² (và phần đất đã thu hồi diện tích 8.531 m²) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00281 QSDD/dL do Ủy ban nhÃ dÃ huyện An Phú cấp ngày 27/3/1993 mang tên Hà Văn Căn, thuộc vụ án này là tài sản chung hợp nhất không phÃ chia. Các thành viên của tộc họ tự thoả thuận giao cho người quản lý tài sản chung của tộc họ giữ gìn, tôn tạo vào mục đích chung của tộc họ.

Ông Hà Văn Ã theo tờ hợp tộc họ thì giao cho ông giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Hà Văn Căn đứng tên cho tộc họ chứ không phải giao đất tộc họ cho ông quản lý, do đó, các thành viên tộc họ phải tự thoả thuận để quản lý đất này theo quy định Điều 207, Điều 208, 211 Bộ luật dÃ sự 2015.

[10] Tại phiên toà, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Luật sư Nguyễn Thành Trung trong bài phát biểu bảo vệ quyền và lợi ích hợp cho nguyên đơn đề nghị thêm Hội đồng xét xử buộc ông Ã giao trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Hà Văn Căn cho bà M hoặc đề nghị huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Căn để bà M được liên hệ làm thủ tục nhận thừa kế và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đây là hai yêu cầu vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này. Tuy nhiên, bà M được quyền kiện đòi tài sản chung của dòng họ theo quy định của Nghị quyết 01/2020/NQ-HĐTP.

[11] Về chi phí tố tụng:

Chi phí tố tụng do yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận nên phải chịu chi phí tố tụng.

[12] Về án phí:

Bà M phải chịu án phí do yêu cầu không được chấp nhận, tuy nhiên bà là người cao tuổi nên miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 3, 52, 76 Luật Đất đai năm 1993, sửa đổi, bổ sung năm 1998, Luật Đất đai năm 1993, sửa đổi, bổ sung năm 2001;

Căn cứ các điều 5, 100, 101, 166, 167, 168, 169, 203 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ các điều 11, 169, 207, 208, 211, 614, 688 Bộ luật dÂ sự 2015

Căn cứ Điều 631, 632, 670 Bộ luật dÂ sự 2005

Căn cứ các khoản 5 Điều 26; Điều 147, 273, 244 của Bộ luật tố tụng dÂ sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 24; các khoản 2, 5, 6 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội,

Căn cứ Nghị quyết số 01/2020/NQ – HĐTP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhÂ dÂ tối cao;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 02/2014/TTLT– TANDTC–VKSNDTC–BTP–BTC ngày 28 tháng 3 năm 2014

Tuyên xử:

- Không Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị M. Về việc yêu cầu chia thừa kế phần đất diện tích 31.287 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00281 QSDD/dL do Ủy ban nhÂ dÂ huyện An Phú cấp ngày 27/3/1993 mang tên Hà Văn Căn cho bà Hà Thị M.

- Không chấp nhận yêu cầu buộc ông Hà Văn Â chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất của bà Hà Thị M.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị M (do rút một phần yêu cầu chia thừa kế diện tích đất 8531 m²).

Về án phí:

Bà Hà Thị M phải chịu án phí dÂ sự sơ thẩm, tuy nhiên bà là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí

Ông Hà Văn Â không phải chịu án phí dÂ sự sơ thẩm.

Về chi phí tố tụng: chi phí đo đạc 6.862.900 đồng theo hoá đơn giá trị gia tăng số 0023379 ngày 13/12/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai và số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 800.000 đồng theo phiếu thu ngày 17/5/2021 của Toà án, chi phí định giá do công ty Cổ phần thẩm định Giá Trị Việt là 15.000.00 đồng, do yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận nên bà phải chịu chi phí này, (đương sự đã nộp đủ).

Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (17.6.2024) các đương sự được quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn

kháng cáo của những người vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện An Phú (1);
- THADS huyện An Phú (1);
- Các đương sự;
- UBND xã Phú Hội (1);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Phong Phi

